

KINH TỖ NI MÃU QUYỂN 4

Khi các Tỳ-kheo sắp kết tập Pháp tạng, lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp vỗ bàn tay xuống đất làm phát ra âm thanh vang động giống như tiếng chuông đồng. Khi đó, thầy trò Phú-lan-na - năm trăm A-la-hán trước đây sống ở thành Vương-xá - nghe âm thanh này liền nói với nhau: “Giờ kết tập Pháp tạng đã tới”. Tôn giả Phú-lan-na với đồ chúng gồm năm trăm vị La-hán cùng nhau đi đến chỗ của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở tinh xá Trúc Lâm, thuộc thành Vương-xá. Khi đến nơi, họ nói với Ma-ha Ca-diếp:

- Chúng tôi nghe tin Tôn giả và năm trăm vị La-hán sắp kết tập Pháp tạng tại tinh xá Trúc-Lâm, thuộc thành Vương-xá, chúng tôi cũng muốn được nghe.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp liền nói với Phú-lan-na về lý do kết tập Pháp tạng. Phú-lan-na nói với tôn giả Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

- Thưa Đại đức, tôi đã nghe lý do kết tập Pháp tạng, việc đó thật tốt, chẳng thể nói hết. Nhưng đối với tám pháp, tôi có chỗ không hiểu. Đó là thức ăn để cách đêm ở trong đại giới cho đến các loại rau, củ ở bờ ao, tám loại này tôi đã đích thân nghe Phật nói là Như-lai cho phép chứa, nhưng Ngài lại nói là không cho phép chứa. Đó là chỗ tôi không hiểu.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

- Đúng như lời thầy nói. Gặp lúc đói kém, thóc lúa quý hiếm, khát thực khó được, Phật thương xót chúng sanh nên cho phép cất chứa. Đến lúc no đủ, thóc lúa rẻ, khát thực dễ được thì Như-lai lại không cho cất chứa.

Phú-lan-na nói:

- Thưa Đại đức! Như-lai là bậc thầy thấy biết tất cả, lúc cần cất chứa thì cho mọi người biết đó là thời gian được phép cất chứa. Khi cần xả bỏ thì cho mọi người biết là đã đến lúc phải xả bỏ.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

- Vì lý do này, Phật biết thời mới nói là: Lúc này nên cất chứa, lúc này không nên cất chứa. Nay Phú-lan-na, vì thế chúng ta nên theo Như-lai, lúc nào Ngài cấm ngăn thì chúng ta cũng cấm ngăn theo, lúc nào Ngài cho phép thì chúng ta cũng cho phép. Như-lai Ứng cúng thành tựu tám loại pháp hoàn hảo: một là hoàn toàn đạt được trí Kim cương, hai là đoạn trừ tất cả phiền não, phá tan bóng tối vô minh, ba là không còn bị chướng ngại đối với tất cả các pháp, bốn là được tự tại ở tất cả mọi nơi, năm là chế phục hoàn toàn các dị luận của ngoại đạo, sáu là chỉ cho chúng sanh thấy rõ việc lợi ích và không lợi ích, bảy là giúp chúng sanh phân biệt đúng pháp, tám là có thể khéo léo chế định các việc phạm hay không phạm một cách tự tại vô ngại. Người thành tựu tám pháp ấy được gọi là Pháp vương, Pháp chủ.

Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Tôn giả Ca-diếp hỏi A-Nan:

- Việc này như thế nào?

Tôn giả A-Nan trả lời:

- Tôi đã đích thân nghe Phật dạy, giống như Tôn giả đã trả lời Phú-lan-na. Người nào thực hành đúng như lời Phật dạy thì người đó có thể làm rạng rỡ Phật pháp. Vì thế cần phải thực hành như pháp.

Nghe lời này xong, các đệ tử của Phú-lan-na liền tu hành như pháp, tức là làm rạng rỡ Phật pháp. Đó là Pháp tạng được kết tập do năm trăm Tỳ-kheo ở trong núi Tuyết.

Nay nói về việc bảy trăm Tỳ-kheo kết tập Pháp tạng:

Sau khi Như-lai Niết-bàn một trăm năm, các Tỳ-kheo thuộc dòng Tỳ-lợi-kỳ ở Tỳ-xá-ly tự thực hành và rao truyền:

- Theo lời Phật dạy, ai thực hành mười pháp sau đây là làm rạng rỡ Phật pháp: Một là được dùng hai ngón tay để lấy thức ăn; hai là khi vào xóm làng được cúng dường thức ăn, nói đã no rồi, không nói chưa no, sau đó lại được thức ăn, không làm phép thức ăn dư vẫn được ăn; ba là được làm pháp sự theo phe nhóm bên trong cương giới; bốn là ca ngợi việc làm pháp sự theo phe nhóm là hoàn hảo; năm là pháp người trước đã làm, người sau làm trở lại, việc nào cũng đều thành tựu; sáu là bơ, dầu, mật ong, đường phèn hòa với cao sữa thì được ăn phi thời; bảy là muối nhận được vào ngày hôm trước thì hôm nay được trộn với cơm để ăn; tám là được phép uống rượu vừa lên men; chín là được trải loại tọa cụ không cần cất tua; mười là được tự tay cầm và được cất chứa vàng bạc, bảy báu.

Vì lý do này, Tôn giả Da-xá dòng họ Ca-lan-đà muốn diệt trừ tai họa đó, liền cho tập hợp bảy trăm La-hán ở thành Tỳ-xá-ly. Sau khi

chúng Tăng đã tập hợp, Tôn giả Da-xá dòng họ Ca-lan-đa liền hỏi tôn giả Ly-bà-đa:

Khi vào trong làng thọ thực, Tỳ-kheo có được dùng hai ngón tay lấy thức ăn mà ăn không?

Tôn giả Ly-bà-đa đáp:

- Không được dùng hai ngón tay lấy thức ăn mà ăn.

Tôn giả Da-xá hỏi:

- Phật quy định không được dùng hai ngón tay lấy thức ăn mà ăn ở đâu?

Ly-bà-đa đáp:

- Phật chế định điều đó trong phần tàn thực ở tại nước Xá-vệ.

Tôn giả Da-xá lại hỏi tôn giả Ly-bà-đa:

- Nếu Tỳ-kheo ăn đã no, không làm phép thức ăn dư, có được ăn nữa không?

Đáp: - Không

được. Tôn giả Da-xá

lại hỏi:

- Có được làm pháp sự bên trong cương giới không?

Tôn giả Ly-bà-đa liền hỏi:

- Làm những pháp sự gì trong cương giới?

Đáp: - Làm pháp sự theo phe nhóm.

Tôn giả Ly-bà-đa đáp:

- Không được.

Hỏi: - Điều này được chế định ở đâu?

Đáp: - Được chế định trong kiền độ Bố-tát, ở thành

Vương-xá. Tôn giả Da-xá lại hỏi:

- Có được ca ngợi việc làm pháp sự theo phe nhóm bên trong cương giới là hoàn hảo không?

Đáp: - Không được. Điều này cũng được chế định trong phần kiền độ Bố-tát ở thành Vương-xá.

Tôn giả Da-xá lại hỏi tôn giả Ly-bà-đa:

- Việc đã làm trước đây, nay có được làm lại không?

Tôn giả Ly-bà-đa liền hỏi:

- Thế nào gọi là làm lại?

Tôn giả Da-xá nói:

- Việc này đã làm, nay làm.

Đáp:- Nếu việc này không hợp với kinh, luật, luận thì nếu đã làm, nay không được làm nữa, nếu chưa làm thì không nên làm, nếu đang làm thì hãy ngưng, không được làm nữa. Nếu việc này hợp với Tam

tặng thì nếu đã làm, hãy làm tiếp; nếu chưa làm thì hãy làm; nếu đang làm thì hãy tiếp tục làm.

Tôn giả Da-xá lại hỏi tôn giả Ly-bà-đa:

- Tỳ-kheo có được ăn thức ăn ngon không?

Tôn giả Ly-bà-đa liền hỏi: - Thế nào là thức ăn ngon? Tôn giả Da-xá nói:

- Bơ, dầu, mật ong, đường phèn hòa với cao sữa là thức ăn ngon.

Đáp: - Không được ăn.

Hỏi: - Việc này được chế định ở đâu?

Đáp: - Chế định trong phần tàn thực, ở nước

Xá-vệ. Tôn giả Da-xá lại hỏi:

- Có được ăn loại muối đã được nhận không?

Tôn giả Ly-bà-đa liền hỏi:

- Thế nào là muối đã được nhận?

Tôn giả Da-xá đáp:

- Muối được nhận vào hôm qua. Lại hỏi: Muối đó hôm nay có được trộn vào cơm để ăn không?

Đáp: - Không được ăn.

Hỏi: - Chế định điều đó ở đâu?

Đáp: - Điều đó được chế định trong phần kiên độ Dục thảo, tại nước xá-vệ.

Lại hỏi tôn giả Ly-bà-đa:

- Tỳ-kheo có được uống rượu vừa lên men không? Đáp: - Không được.

Hỏi: - Chế định điều đó ở nơi nào?

Đáp: - Điều đó được chế định tại nước Câu-diêm-di, vì Tỳ-kheo Bà-đề.

Tôn giả Da-xá lại hỏi:

- Được chứa loại phụ cụ chưa cắt tua không? Đáp: - Không được.

Hỏi: - Chế định việc này ở nơi nào?

Đáp: - Việc này được chế định tại nước xá-vệ, vì nhóm sáu

Tỳ-

k

heo. Lại hỏi:

- Tỳ-kheo có được chứa vàng, bạc, châu báu

không? Đáp: - Không được.

HViệc này được chế định tại thành Vương-xá, vì Thích tử

o
,

i
:

-

C
h
e
^

đ
i
n
h

v
i
e
^
c

n
a
,
y

ơ
,

n
ơ
i

n
a
,

o
?

Đ

áp: -

Bạt-nan-đà. Vì lý do này cần phải kết tập lại Pháp tạng để giúp các Tỳ-kheo bỏ ác tu thiện. Nơi nào có bốn người cư trú cho đến có nhiều người cư trú mà biết pháp và tu hành đúng pháp thì làm cho Phật pháp được rạng rỡ. Hoặc Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc người biết pháp, nếu những người này đều có thể tu hành như pháp thì làm cho Phật pháp được phát triển.

Có hai loại pháp không thể làm trái ngược, đó là pháp Phật và pháp Chuyển luân Thánh vương.

Vì lý do ấy cần phải tập hợp bảy trăm vị Tăng để kết tập Pháp tạng. Lý do kinh ấy được gọi là kinh Tỳ-ni là vì ở trong các kinh, phần nào tương ứng với Tỳ-ni thì được tập hợp lại thành kinh Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni. Trong các kinh, phần nào tương ứng với y công đức thì được tập hợp thành kiến độ y công đức. Kinh Tỳ-kheo, kinh Tỳ-kheo ni, tất cả các kiến độ, Ma-đắc-lặc-già, Tỳ ni tăng nhất, năm bộ này hợp thành tạng Tỳ-ni. Vì thế được gọi là kinh Tỳ-ni.

Kinh là pháp được diễn nói rất rộng lớn, nói về rất nhiều việc nên gọi là rộng. Chúng ta đang truyền trao pháp lớn nên gọi là lớn. Chúng ta đang diễn nói pháp lớn, Tỳ ni lớn nên nói là rộng lớn. Do pháp ấy được bậc đại nhân giảng nói nên gọi là lớn. Bậc đại nhân là chư Phật, Thế Tôn. Do được bậc đại nhân này nói ra nên pháp ấy được gọi là lớn và lại nói là rộng.

Có vị Đại đức Tỳ-kheo nói tóm lược kinh, hoặc trước nhiều Tỳ-kheo hoặc trước bốn, ba, hai, một Tỳ-kheo, vị ấy giảng kinh đó và nói: “Đích thân tôi đã nghe Phật giảng như vậy”. Bậc Thượng tọa có đức độ, hiểu biết nên tư duy về nghĩa lý lời giảng của vị ấy. Nếu nghĩa lý đó tương ứng với Tam tạng thì Thượng tọa ấy nên nói: “Lời giảng của Đại đức rất hay. Nếu có ai theo học thì hãy đem pháp ấy dạy lại cho họ”. Nếu nghĩa lý đó không tương ứng với Tam tạng thì Thượng tọa ấy nên nói: “Đại đức chớ có thực hành pháp này, cũng không được dạy người khác thực hành pháp này”.

Vì thế, giảng rộng là giảng nói sự điều phục lớn trong hiện tại. Đó gọi là giảng rộng. Nếu có người thông minh, tài giỏi, tự cho mình đầy đủ khả năng này, cố chấp vào hiểu biết đó, cạnh tranh với giáo pháp mà Như-lai đã nói thì cũng như người cầm vàng giả sánh với vàng thật. Nếu khó phân biệt được thật giả thì hãy dùng lửa đốt, thật giả sẽ tự hiện. Cũng vậy, nếu có ai đưa ra pháp tà ngụy rồi nói là pháp của Như-lai nói thì hãy đem đối chiếu với Tam tạng sẽ biết được sự thật, giả của nó.

Ví như ở đời có vị thầy thuốc giỏi, lại có người chẳng phải thầy

thuốc mà nói dối tự xưng là thầy thuốc; có người không phân biệt được nên đến chỗ thầy thuốc giả mạo để chữa bệnh, liền bị mất mạng. Việc đó cũng giống như người đời không biết pháp chánh chánh, thực hành theo pháp tà ngụy thì có thể làm cho thân mạng, tâm thiện bị tiêu diệt.

Người làm cho chánh pháp không bị tiêu diệt là người thực hành theo lời Phật dạy và Tỳ-ni Phật đã nói. Người này có thể làm cho chánh pháp rạng rỡ ở đời. Vì sao vậy? - Người này biết đây là điều Phật nói, đây chẳng phải là điều Phật nói, vì vậy có thể xiển dương chánh pháp. Đó gọi là giảng rộng.

Tôn giả Tát-bà-đa nói:

- Có bốn cách giảng rộng về việc tốt và bốn cách giảng rộng về việc xấu. Vì lý do gì mà gọi là giảng rộng về việc tốt? - Bởi vì nhờ kinh này ta mới biết đây là lời Phật dạy, đây chẳng phải lời Phật dạy. Nếu gặp người có tài biện luận, có thể hiểu rõ các việc đúng sai và nói cho người khác hiểu thì phải ghi nhớ lời giảng đó. Giảng rộng về việc xấu cũng phải như giảng rộng về việc tốt.

Bốn trường hợp là: hoặc nhiều người, hoặc ba, hoặc hai, hoặc một người. Đó gọi là bốn.

Lại nữa, có Tỳ-kheo nói với đại chúng:

- Ở thành Phù-di, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: hoặc ở làng, hoặc ở xóm, chính tôi đã đích thân nghe Phật dạy: “Đây là pháp, đây là Tỳ-ni, đây là lời thầy dạy”.

Điều Tỳ-kheo này nói có thể đúng hoặc sai. Nếu điều đó hợp với Tăng nhất A-hàm, Trung A-hàm, Trường A-hàm, Tạp A-hàm, kinh Tỳ-kheo, kinh Tỳ-kheo ni, các kiền độ, Tạng luận và hợp với pháp thì nên bảo: “Đại đức hãy siêng năng thực hành và dạy người khác siêng năng thực hành pháp này”.

Nếu điều đó không hợp với pháp thì nên bảo: “Đại đức không nên tự thực hành, cũng không nên dạy người khác thực hành pháp này”. Đó là trường hợp giảng rộng đầu tiên.

Trường hợp thứ hai, thứ ba, cho đến thứ tư cũng nói như vậy.

Trường hợp thứ nhất là trước đại chúng, trường hợp thứ hai là trước bốn người, trường hợp thứ ba là trước hai người, trường hợp thứ tư là trước một người. Đó gọi là giảng rộng.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Ta dạy các ông một câu kinh, một bài kệ, hoặc nhiều, hoặc ít. Điều nào nên làm thì các vị hãy làm theo lời dạy, điều gì không nên làm thì các vị theo lời dạy chớ có làm. Nếu lời nói của Tỳ-kheo đời sau

hợp với Tam tạng thì cũng phải thực hành theo. Nếu lời Ta nói - hoặc nhiều hoặc ít - mà không nên thực hành thì chớ có thực hành theo. Lời nói của Tỳ-kheo đời sau mà không nên thực hành thì chớ có thực hành. Việc này ở trong kinh Tăng-nhất có nói rõ.

Có sự giảng rộng như sau:

Khi sắp Niết-bàn, đức Như-lai bảo Tôn giả A-Nan:

- Sau khi Ta diệt độ, các ông chớ nói: “Chúng con không có nơi nương tựa”. Giới luật mà Ta đã chế chính là nơi nương tựa và là thầy của các ông. Vì thế, này A-Nan, sau khi Ta diệt độ, các vị phải dựa vào giới luật để thực hành Phật pháp, mỗi vị phải khiêm tốn mà thực hành. Các vị phải từ bỏ tâm kiêu mạn, đặt tâm vào pháp thanh tịnh. A-Nan, từ nay trở đi, người dưới nên gọi người trên là “Thượng tọa, tôn giả”, người trên nên gọi người dưới là: “Hạ tọa, tuệ mạng”. A-Nan, người nào thấy mười hai nhân duyên tức là thấy pháp và cũng được thấy Ta.

Lúc sắp Niết-bàn, Như-lai nói bốn pháp rộng rãi này để lợi ích chúng sanh. Vì thế, việc ấy được gọi là giảng rộng.

Đức Phật lại bảo:

- Có vật do hòa hợp nên được chứa, có vật do không hòa hợp nên không được chứa.

Thế nào là hòa hợp? - Như Xá-lợi-phất nhận được miếng vá có màu rất đẹp và đem miếng vá này may lên trên y. Phật liền cho phép cất chứa nó. Đó gọi là hòa hợp.

Không hòa hợp là: Gấm hoặc lụa có màu rất đẹp thì tuy hòa hợp cũng không được cất chứa. Đó gọi là không hòa hợp.

Giống như rượu, nếu hòa với thuốc thì được uống, không hòa với thuốc thì không được uống. Cũng vậy, màu sắc đẹp xen với màu sắc xấu thì được cất chứa, không xen với màu sắc xấu thì không được cất chứa.

Hòa hợp có hai loại: Một là màu sắc hòa hợp, hai là y hòa hợp.

Màu sắc hòa hợp là: đầu tiên dùng màu đậm để nhuộm, sau đó dùng màu nhạt để nhuộm. Hoặc đầu tiên dùng màu đẹp nhất để nhuộm, sau đó dùng màu xấu nhất để nhuộm. Y được nhuộm theo hai cách này được gọi là y có màu sắc hòa hợp, được phép cất chứa.

Thế nào gọi là thượng sắc? - Năm màu chính gọi là thượng sắc. Bộ phái Tát-bà-đa cho:

- Thượng sắc là thuần xanh, thuần đỏ, thuần vàng, thuần đen, thuần trắng. Đó gọi là năm loại thượng sắc.

Đại sắc hòa hợp là: Đầu tiên dùng màu xanh để nhuộm, sau đó

dùng màu khác để nhuộm; hoặc trước tiên dùng màu khác để nhuộm, sau đó dùng màu xanh để nhuộm. Năm cách khác cũng giống như vậy. Đó là các loại màu được cất chứa.

Y hòa hợp là: Nếu y được tác tịnh, miếng vá chưa được tác tịnh, may miếng vá lên trên y; hoặc y chưa được tác tịnh, miếng vá đã được tác tịnh, may miếng vá lên trên y, cả hai trường hợp này đều gọi là y thanh tịnh.

Nếu y chưa đủ mười ngày, chưa được tịnh thí, miếng vá đã được tịnh thí, may miếng vá lên trên y, thì tấm y đó được phép cất chứa.

Nếu miếng vá chưa đủ mười ngày, chưa được tịnh thí, may miếng vá lên trên y, thì được phép cất chứa. Đó gọi là y hòa hợp.

Pháp tịnh thí là: - Nhận được vào ngày nào thì phải tịnh thí trong ngày đó. Nếu quá mười ngày không tịnh thí thì phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu do buồng lung nên không tịnh thí, hoặc do tâm ác thì tuy chưa đủ mười ngày nhưng đều phạm Xả-đọa.

Thế nào là không hòa hợp thì được cất chứa, hòa hợp thì không được cất chứa?

- Không hòa hợp, được cất chứa là: Sơn thiệp tử, thức kỳ lưu thảo, diêm bà già, tỳ bát ưu lặc già, mật rượu đắng, diêm đà lâm, cân đề lực, gừng, các loại thuốc như vậy không hòa hợp thì được chứa. Vì sao vậy?

- Thuốc này để riêng từng thứ thì có thể dùng, nếu hòa hợp lẫn nhau thì không thể dùng.

Giống như nấu sữa cho sôi, chín rồi rót vào một cái bình. Qua một thời gian ngắn, sữa và nước tách rời nhau. Nếu sữa này có trộn muối thì không được ăn, nếu không có trộn muối thì được ăn. Các loại thuốc nêu trên mà hòa trộn với nhau thì hoàn toàn không được dùng. Cũng như sữa có trộn muối thì không được ăn, nếu để riêng thì ăn rất tốt.

Đó gọi là không hòa trộn thì được dùng.

Lúc ấy, vì Tỳ-kheo bệnh, Phật cho phép uống bơ sữa, nước tỳ lặc hòa với muối, không hòa muối cũng được dùng. Đó gọi là hòa hợp thì được dùng.

Loại thuốc dùng cho đến hết đời là: Gừng, tiêu, tất-bát, ha-lê-lặc, muối, cỏ xương bồ. Những loại này đều là thuốc dùng trọn đời. Việc này ở trong kinh độ Dược thảo có nói rõ.

Những việc được phép làm trong chùa là yết-ma về tất cả pháp sự, cho đến ăn, uống, ngủ, thức, đắp mặc y nội, áo lót.

Lại có việc xảy ra trong chùa là: Nếu thấy trong đất chùa có vàng bạc, hoặc biết chủ, hoặc không biết chủ của nó, đều phải nhặt lấy; nếu

biết chủ thì sau đó phải trả lại; nếu không biết chủ thì phải thông báo với chúng Tăng: “Hôm qua, tôi vừa nhặt được vàng bạc rơi trên đất chùa, đó là vật của ai vậy?”.

Nếu có người đến nói: “Đó là vật của tôi”, thì phải hỏi: “Vật ấy có số lượng nhiều hay ít, nặng khoảng bao nhiêu? Dùng vật gì để đựng và cột?” Nếu người đó nói chính xác từng việc thì hoàn trả cho người ấy, nếu không chính xác thì không nên trả.

Lại có việc phải làm trong chùa là: Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni dùng lá cây làm lọng, dùng vỏ cây làm lọng, hoặc đan cỏ làm lọng, thì những thứ ấy đều được dùng trong chùa.

Lại nữa, ở trong chùa, Tỳ-kheo được dùng vật sau: Bên trên đôi dép lại đắp thêm một lớp da bao lại. Nếu ra ngoài xóm làng gặp mưa, tuyết thì được mang, không có mưa tuyết thì không được mang. Giày da bốn lớp, ba lớp, cho đến một lớp, Tỳ-kheo được mang ở trong chùa. Khi vào xóm làng, nếu có mưa tuyết thì được mang, không có mưa tuyết thì không được mang. Khi bệnh cũng được mang. Việc này trong Kiền độ về giày da có nói rõ.

Những vật trong chùa được cất chứa là: Then cửa bằng sắt, then cửa bằng gỗ, cái bầu đựng nước, gậy, đồ ngồi trong phòng tắm. Đó là những vật được cất chứa trong chùa.

Nếu Tỳ-kheo được Tăng sai vào rừng thì nên cho đi bảy ngày, nếu bảy ngày chưa về kịp thì nên cho mười lăm ngày. Nếu mười lăm ngày chưa về kịp thì cho một tháng. Đó gọi là cho vào rừng.

Có Tỳ-kheo bị mọc mụn nhọt trên thân và dùng loại thuốc bột nhám rít để rửa mụn nhọt.

Đức Phật nói:

- Cho phép Tỳ-kheo dùng loại thuốc bột mềm, mịn để rửa mụn nhọt.

Cách cất thuốc bột là: Bỏ vào trong bình, đậy kín miệng bình, cho đến treo lên cây cọc. Trong kiền độ Dược thảo có nói rõ việc này.

Có Tỳ-kheo bị bệnh hủi, bị lở chảy ra máu mủ, các Tỳ-kheo dùng thuốc bột nhám rít để bôi, rửa. Đức Phật nói: “Hãy dùng loại thuốc bột mềm mịn để bôi rửa”. Việc này có nói rõ trong kiền độ Tạp.

Tỳ-kheo nào vừa bị mọc mụn nhọt đau đớn mà không vỡ ra thì hãy dùng loại thuốc làm vỡ mụn thoa vào. Sau đó hãy giữ các loại thuốc chữa bệnh mụn nhọt để chữa trị cho đến khi lành hẳn.

Tỳ-kheo nào bị bệnh trĩ thì hãy may y che mụn để máu mủ không chảy ra làm dơ y. Tùy theo thầy thuốc bảo may y như thế nào thì được

phép chữa loại y đó.

Tỳ-kheo nào bị mọc mụn nhọt ở trên đầu, hoặc trên mặt, hoặc trên môi, hoặc trên vai, hoặc dưới nách, hoặc trên hông, hoặc trên rốn, hoặc trên mông, hoặc đầu gối, hoặc trên bắp chân; nếu bị mọc mụn nhọt ở trên đầu thì được phép trùm đầu, che đầu khi vào nhà bạch y; nếu trên mặt có mụn nhọt thì được phép tự soi vào nước trong bình bát, hoặc soi trên vách để xem mụn và được tự bôi thuốc; nếu trên môi có mụn nhọt thì được phép nhai thức ăn mà không cần khép kín hai môi. Nếu trên lưỡi có mụn nhọt thì được phép nuốt thức ăn, không cần nhai. Nếu trên vai có mụn nhọt thì được phép dùng tay nắm mụn nhọt và lấy y che bên trên khi vào nhà bạch y, lại được phép không cần dùng y che mụn trên vai khi vào nhà bạch y. Nếu dưới nách có mụn nhọt thì được phép chống tay khi vào nhà bạch y. Nếu trên hông có mụn nhọt thì được phép vắt ngược y khi vào nhà bạch y. Nếu trên rốn có mụn nhọt thì được phép hạ thấp y nội. Nếu trên mông có mụn nhọt thì được phép ngồi chồm hổm khi vào nhà bạch y. Nếu trên đầu gối có mụn nhọt thì được phép vén y lên quá đầu gối khi vào nhà bạch y. Nếu bắp chân có mụn nhọt thì được phép nâng cao y nội khi vào nhà bạch y. Đó gọi là những việc được phép làm khi có mụn nhọt.

Nếu trong chùa có ba bốn người làm tòa nhà lớn để làm chỗ ở riêng thì phải đào hào sâu xung quanh tòa nhà đó để thoát nước; trong hào phải làm nơi đại tiểu tiện. Việc này đã được nói rõ trong kinh độ Phu cụ.

Đức Phật bảo Tôn giả A-Nan:

- Ông hãy cầm chìa khóa này đến từng phòng bảo với các Tỳ-kheo là: Ta sắp đi về phương Nam để du hóa qua các nước, ai có thể đi theo Ta thì hãy sắp xếp y bát.

Vâng lời Phật, A-Nan liền đến từng phòng thông báo việc ấy. Các trưởng lão Tỳ-kheo bảo với A-Nan:

- Nếu thầy chúng tôi đi thì chúng tôi cũng đi theo. Nếu thầy chúng tôi không đi thì chúng tôi cũng không đi được. Vì sao vậy? - Vì đến đó lại phải tìm Y chỉ sư.

Lúc ấy, Thế Tôn cùng những người có thể đi, dẫn nhau đi về phía Nam. Trên đường đi, thấy số lượng các Tỳ-kheo ít, Đức Phật bảo A-Nan:

- Ông không đến từng phòng để nói hay sao, mà số lượng Tỳ-kheo đi theo Ta ít như vậy?

A-Nan liền bạch đầy đủ với Phật về việc trên. Đức Phật bảo A-

Nan:

- Từ đây về sau, Tỳ-kheo nào đủ mười tuổi hạ và biết pháp thì nên nhận sự y chỉ của Tỳ-kheo mười tuổi hạ, cho đến một trăm tuổi hạ mà không biết pháp.

Pháp y chỉ đã được nói rõ trong Kiền độ thọ Cụ túc. Đó là việc xảy ra sau khi đi thông báo từng phòng.

Những việc liên quan đến hai ngón tay là: Nếu bát bị lủng năm chỗ thì phép vá bát này là cách nhau hai ngón tay vá một chỗ. Khi đi đại tiện xong, phải dùng đầu hai ngón tay để rửa đường đại tiện. Nếu vá y rách thì phải dùng miếng vá rộng hai ngón tay. Tỳ-kheo nào để tóc thì không được để dài quá hai ngón tay, nếu dài quá hai ngón tay thì phải cạo. Đó là những pháp liên quan đến hai ngón tay.

Nói tóm lược việc cùng Tăng làm pháp

sự:

Tỳ-kheo nào có tánh hạnh điều hòa, giữ giới, đầy đủ oai nghi, dung mạo trang nghiêm, người như vậy thì Tăng nên cho cùng làm tất cả các pháp sự, cho đến cùng ăn uống, ngủ, thức. Đó là nói tóm lược việc cùng Tăng tác pháp sự.

Tỳ-kheo nào đến chùa khác nên hỏi một Tỳ-kheo trong chùa đó về nơi kiết đại giới, nơi lìa y ngủ, lại hỏi nơi tịnh trừ của chúng Tăng, nơi thuyết giới Bố-tát. Các việc như vậy đều hỏi một người, nên gọi là hỏi tóm lược. Sau khi hỏi xong, nếu có bạn thì nên nói lại cho họ nghe.

Lại nên hỏi: “Trong nước uống có trùng không, có trong sạch không? Nước uống này thuộc về ai?”.

Lại hỏi: “Rau quả này đã tác tịnh chưa?”.

Một người hỏi, những người khác đều được thanh tịnh. Vì thế gọi là tóm lược.

Nếu Tỳ-kheo cự trú mời Tỳ-kheo khách, Tỳ-kheo khách đến chùa, một người lần lượt hỏi tất cả các điều cần hỏi, thì các Tỳ-kheo khác đều được thanh tịnh.

Tôn giả Tát-bà-đa nói:

- Lợi dưỡng gây ra sự tham đắm của con người, vì vậy Phật không cho phép nắm giữ, nhưng cũng không chế định những điều vi phạm, phải thực hành theo pháp đã chế định trước đó.

Đức Thế Tôn nói:

- Người nào làm việc ác mà biết hổ thẹn thì không bị chướng ngại đạo pháp. Tỳ-kheo nào không có tâm hổ thẹn, cũng không có hiểu biết thì ta không nên nghe theo lời nói của vị ấy. Người nào không có tâm hổ thẹn mà có hiểu biết thì không nên nghe theo lời nói của vị ấy.

Lại nữa, có người tuy biết hổ thẹn nhưng không có hiểu biết thì cũng không nên nghe theo lời nói của vị ấy. Người nào có tâm hổ thẹn, thông suốt pháp tướng thì nên nghe.

Tôn giả Ca-diếp-duy nói:

- Có những người có trí tuệ và hiểu biết ngang nhau, tánh tình hòa nhã, giới hạnh thanh tịnh, không có tỳ vết. Đó gọi là lời hòa nhã nên nghe theo. Có những việc cần phải làm, đó là những việc gì? - Tọa cụ, ngọa cụ bị rách, cần dùng miếng vá rộng một tấc để vá lại, cần biết rõ như vậy.

Nếu có mụn ghẻ thì phải chữa trị, cần phải quét dọn nơi chúng Tăng ăn, cần phải quét dọn nơi các vị Hòa thượng, A-xà-lê ăn. Đó gọi là nơi chốn cần quét dọn.

Nếu có Tỳ-kheo bệnh thì Phật cho phép nấu cháo cho vị ấy ăn. Nếu không có tịnh địa thì chúng Tăng phải bạch nhị yết-ma chọn chỗ làm tịnh địa. Những việc như vậy đều gọi là chọn nơi chốn.

Khi còn tại thế, Phật thường thuyết giới ở thành Vương-xá. Vào ngày rằm hoặc cuối tháng, các Tỳ-kheo ở xa gần không ngại mệt nhọc, đều đến thành Vương-xá để nghe Phật thuyết giới. Biết các Tỳ-kheo mệt nhọc, khổ sở, Phật liền hỏi các Tỳ-kheo về nơi ở và cho phép được ở tại nơi ở của họ mà nói giới. Đó gọi là địa phương.

Tháp ở phương Đông tên La-đa-bạt-đà-la, cho đến phương Bắc có núi tên Vô-chi-la-tỳ-la. Đó gọi là địa phương. Ở những nơi thuộc biên địa như vậy chỉ cần có năm luật sư thì được thọ Cụ túc. Tỳ-kheo nào ở nơi thanh tịnh thì phải biết rõ địa phương, nơi chốn và thời điểm.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo ở phương Bắc thọ an cư, an cư xong, họ đều mang y bát đến chỗ Phật. Thế Tôn hỏi: “Các vị từ đâu đến đây?” và họ đều nói về nơi mà họ vừa rời khỏi để đến đây. Vì thế, đó gọi là địa phương.

Những nước nào được Phật cho phép chỉ cần năm vị giới sư thì có thể truyền giới Cụ túc? - Đó là nước ở biên địa có vị luật sư thì cho phép năm giới sư được truyền giới Cụ túc.

Có một Tỳ-kheo tên Sở-lỗ-nô, ít tin tưởng vào đạo pháp, muốn được thọ Cụ túc nhưng trong nước không có Tăng. Do có việc tôn giả Ca-chiên-diên đến nước ấy, vị đó thỉnh cầu Ca-chiên-diên truyền trao giới Cụ túc cho mình. Ca-chiên-diên phải tập hợp suốt mười hai năm mới đủ Tăng để truyền giới Cụ túc. Sau khi truyền giới Cụ túc xong, Tôn giả Ca-chiên-diên liền đến chỗ Phật. Phật hỏi:

- Nay Ca-chiên-diên, vì sao ông đi chậm vậy?

Tôn giả Ca-chiên-diên liền đem việc thọ giới bạch đầy đủ với Phật, Phật liền lập quy chế:

- Từ nay trở đi, nơi biên địa không có chúng Tăng, chỉ cần năm vị luật sư cũng được phép truyền giới Cụ túc. Nước nào quá nóng nực thì Tỳ-kheo được phép tắm rửa hàng ngày. Nơi nhiều gai góc thì được phép mang loại giày bằng da dày. Cách làm giày da là tùy theo đất như thế nào thì được làm da giày theo đó.

Các Tỳ-kheo an cư mùa hạ ở trên núi Tuyết; tay chân, đầu, tai đều bị giá rét làm nứt nẻ. Sau khi an cư xong, họ đắp y, mang bát đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát đất rồi đứng qua một phía. Phật biết mà vẫn hỏi:

- Vì sao thân thể các vị đều bị nứt nẻ?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Do giá rét trên núi Tuyết nên thân thể chúng con đều bị nứt nẻ.

Đức Phật hỏi:

- Phải mặc những thứ gì để thân không bị nứt nẻ?

Các Tỳ-kheo bạch:

- Nếu chân mang ủng da, thân đắp y nhiều lớp thì sẽ không bị nứt da.

Phật liền cho phép mang giày, mang tất, quần khăn choàng cổ và

đắp y nhiều lớp. Nếu các thứ ấy được dệt bằng lông dê, lông lạc đà, cho đến dệt bằng bông thì được phép đắp mặc.

Có hai Tỳ-kheo Bà-la-môn: Người thứ nhất tên Ô-ta-ha, người thứ hai tên Tán-ma-đà, đến chỗ Phật bạch với Thế Tôn:

- Các đệ tử của Phật thuộc đủ các dòng họ, đủ các đất nước, quận huyện nên ngôn ngữ không giống nhau. Ngôn ngữ không thống nhất thì có thể làm sai lệch hết ý nghĩa của lời Phật. Cúi xin Thế Tôn cho phép chúng con được dựa theo luận Xiển-đà-chí-trì để biên soạn kinh Phật, tuần tự chọn lọc câu văn để cho ngôn ngữ được hoàn chỉnh, nghĩa lý rõ ràng.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Trong Phật pháp của Ta không cho ngôn ngữ hay là đúng, chỉ cần đừng để mất nghĩa lý thì đó là ý của Ta. Tùy theo các chúng sanh cần loại ngôn ngữ gì để được giác ngộ thì Ta dùng loại ngôn ngữ đó để giảng cho họ nghe. Đó gọi là tùy theo nước mà làm.

Nước Tỳ-xá-ly bị đói kém, như ở trên đã nói. Phật liền cho phép chứa y công đức. Có năm lợi ích do việc giữ y này:

1- Được ăn nhiều lần trước giờ Ngọ.

2- Được ăn biệt chúng khi có đàn-việt đến thỉnh.

3- Được cất chứa y dư mà không cần thuyết tịnh (tịnh thí).

4- Được ngủ lia y.

5- Được đi ra khỏi cương giới mà không cần báo cho người khác

iết. Đó là lợi ích của việc thọ y công đức.

Cách làm nước gạo: Đầu tiên nghiền gạo, trộn với nước, rồi đem

lược và rót vào trong bình, sau đó nấu cơm. Khi cơm sắp cạn hãy chắt nước cơm, đem cất qua một đêm. Đến giờ ăn được uống nước ấy như pháp.

Theo thuyết Tát-bà-đa, Tôn giả Ca-diếp-duy

nói:

- Nước gạo này sau giờ Ngọ cho đến đầu hôm cũng được uống. (Phần đầu tiên đã xong)

Pháp an cư mùa hạ là: Nếu có phòng ốc nào bị hư mục, các Tỳ-kheo phải gắng sức tu bổ, sửa sang lại.

Pháp tự tứ là: Nếu có đại chúng thì cần phải bạch nhị yết-ma tự tứ như pháp. Nếu Tỳ-kheo ở A-lan-nhã, chỉ có một, hoặc hai, ba, hoặc bốn vị thì chỉ quỳ xuống, chấp tay, lần lượt nói với nhau: “Hôm nay chúng Tăng tự tứ, con cũng tự tứ”. Nói ba lần như vậy. Nếu chỉ có một người thì tâm nghĩ miệng nói: “Hôm nay chúng Tăng tự tứ, con cũng tự tứ”. Nói ba lần như vậy.

Thế nào là gọi dục khi tự tứ?

- Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hôm nay tự tứ.

Có một Tỳ-kheo bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn, có một Tỳ-kheo bệnh, không thể đến. Người chăm sóc bệnh nhân không đến được. Người làm việc Phật Pháp Tăng không đến được. Vậy phải làm sao?

Đức Phật bảo Tỳ-kheo ấy:

- Những người như vậy phải gọi dục bằng cách nói: “Hôm nay chúng Tăng tự tứ, con không thể đến dự tự tứ được, xin gọi dục cho chúng Tăng thanh tịnh, tự tứ như pháp”. Nói ba lần như vậy. Đó gọi là pháp gọi dục tự tứ.

Có năm cách gọi dục tự tứ:

1- Hôm nay Tăng tự tứ, con xin cùng Tăng

tự tứ. 2- Con xin bạch tự tứ.

3- Hãy vì con mà tự tứ.

4- Nếu miệng không thể nói thì dùng tay ra dấu cũng được gọi dục tự tứ.

5- Lời nói tuy không rõ nhưng cũng là gọi dục tự tứ.

Đó là năm cách gọi dục tự tứ. Nếu người gọi dục nói không rõ thì phải hỏi lại vị ấy.

Thân, miệng không biểu hiện được là: mạng sống chưa bị chấm dứt, tai còn nghe tiếng người. Chúng Tăng phải tập hợp ở trước vị ấy để yết-ma tự tứ. Trên đường nhận lời gọi dục tự tứ đến nơi tự tứ, nếu người nhận dục qua đời hoặc bị đâm dục làm mê loạn, hoặc bị mất trí, hoặc ra khỏi cương giới, hoặc bỏ đạo hoàn tục thì đều không thành nhận gọi dục. Cần phải nhờ người khác nhận dục lại. Nếu người nhận dục bị giặc cướp, bị nước, cọp, sói cắn đờng, không thể đến được thì việc nhận dục này thành tựu. Những việc khó khăn như vậy chẳng phải là một. Nếu người nhận dục muốn đến chỗ tự tứ nhưng không đủ khả năng thì việc nhận dục đều thành tựu.

Pháp Ba-la-đề-mộc-xoa là: Lúc ấy, ở trong phòng yên tĩnh, Thế Tôn suy nghĩ: “Ta phải chế giới Ba-la-đề-mộc-xoa cho các Tỳ-kheo. Vì sao vậy? - Vì Tỳ-kheo hậu học muốn thực hành pháp nhưng không biết pháp gì được Phật chế, pháp gì chẳng phải Phật chế, cho đến sự an lạc của quả A-la-hán”. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Các vị hãy ghi nhớ kỹ và thực hành theo. Nếu có vị phạm phải lập tức sám hối, nếu không phạm thì phải chú tâm suy nghĩ. Lúc Ta thuyết giới, nếu người nào im lặng thì nên biết đó là người hoàn toàn thanh tịnh. Như ở chỗ khuất, các vị phát lồ không có giấu diếm. Ở trong đại chúng, khi Ta hỏi, các vị cũng không được che giấu, giống như vậy.

Lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi như vậy. Nếu cố ý nói dối thì tự làm chướng đạo. Chướng đạo là chướng ngại bốn thiền sắc giới, bốn thiền vô sắc, cho đến làm chướng ngại bốn quả, bốn hướng. Nếu về sau có thể hối cải thì bốn Thiền sắc giới bốn Thiền vô sắc, bốn hướng, bốn quả đều có thể đạt được. Đó gọi là pháp Ba-la-đề-mộc-xoa.

Việc nói Ba-la-đề-mộc-xoa gồm có năm cách, như đã nói ở trên. Cách nhận dục khi Bố-tát cũng giống như cách nhận dục khi tự tứ đã nói ở trên.

Ruộng, vườn, nhà, những chỗ được cúng trước hoặc cúng sau thì không được chuyển đổi hoặc cúng lại cho nơi khác. Nếu chuyển đổi hoặc cúng lại nơi khác ruộng, vườn, nhà đáng giá năm tiền thì phạm ác tác.

Lại có mười tám loại phân biệt, tám hình thức A-lan-nhã.

Hoặc có Tỳ-kheo ni được bên ngoài đến cúng dường, hoặc có việc

làm bị người chê trách, hoặc có việc làm bị chê trách và tẩn xuất, những pháp như vậy đều gọi là vật.

Thế nào là quả trách và tẩn xuất? - Người bị quả trách và tẩn xuất là phải nêu rõ tướng trạng tội lỗi của họ, sau đó mới đuổi, chứ không được đuổi ngay.

Lúc ấy, vào trước ngày tự tứ, có một Tỳ-kheo phạm tội. Người trông thấy việc ấy định can gián nên nói: “Tôi muốn can gián thầy, thầy có nghe không?”. Người phạm tội chấp nhận.

Vào lúc sắp sửa can gián, người phạm tội không có mặt. Đó gọi là việc có, người không. Nếu sau đó người muốn can gián đến gặp người phạm tội để nhận dục thì được can gián. Nếu không nhận thì không được.

Bấy giờ, Thế tôn cùng năm trăm Tỳ-kheo đi từ nước Ca Thi đến tỉnh xá U-Lan, trong tỉnh xá ấy có năm người đã ở từ trước. Năm Tỳ-kheo ấy lần lượt có tên là: A-phạm-kỳ, Phú-na-bà-tô, Bán-trì-đà-lộ-ê-ny, Già-lộ-la, Đế-xa. Nghe tin Thế Tôn đến, các Tỳ-kheo này liền cùng nhau phân chia các vật ở trong chùa như phòng ốc, nhà cửa, ruộng vườn, hoa quả, tọa cụ và các đồ vật sinh hoạt, chỉ chừa lại một phòng cho Phật. Lý do họ phân chia như vậy là vì sợ Phật cùng Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và đại chúng đến chiếm đoạt phòng ốc, ruộng vườn,... vì vậy họ vội vàng phân chia. Sau khi sanh ý nghĩ ấy, họ liền phân phòng ốc, nhà cửa là một phần, ruộng vườn là một phần, hết thảy phụ cụ là một phần, tất cả các đồ vật sinh hoạt là một phần, tất cả hoa quả là một phần. Sau khi họ phân chia xong thì Thế Tôn đến.

Khi đến nơi, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên:

- Ông hãy bảo các Tỳ-kheo cự trú: “Khách tăng đến, hãy chuẩn bị phòng ốc và tọa cụ, ngọa cụ”.

Vâng lời Phật dạy, hai vị liền đến nói lại với họ. Tỳ-kheo cự trú liền đáp lời Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên:

- Phòng tốt nhất đã được chọn cho Phật, cầu xin Như-lai cứ ở yên trong đó. Tất cả các vật còn lại đã được phân chia thành năm phần.

Nghe xong, Mục-liên liền đem việc ấy bạch đầy đủ với Phật. Đức Thế Tôn liền bảo Mục-liên đến nói với các Tỳ-kheo cự trú một lần nữa, các Tỳ-kheo cũng đáp như trước. Phật liền gọi Tỳ-kheo cự trú đến, quả trách bằng nhiều cách và nói:

- Thế gian có năm hạng giặc cướp:

* Hạng giặc cướp thứ nhất là Tỳ-kheo ác không giữ giới cấm, dẫn nhiều đồ chúng đi qua các nước, các làng, ăn dùng thức ăn của tín thí.

* Hai là Tỳ-kheo nào thật sự không thanh tịnh mà tự nói là mình thanh tịnh, đó cũng là giặc cướp.

* Ba là Tỳ-kheo nào tự ý thông minh, tài trí, kiêu mạn quở mắng các Tỳ-kheo khác, buông lời quá đáng, đó cũng là giặc cướp.

* Bốn là Tỳ-kheo nào vì muốn có cơm ăn áo mặc nên tự nói rằng mình chứng đắc pháp hơn người đó, cũng là giặc cướp.

* Năm là Tỳ-kheo nào lấy vật của chúng Tăng để dùng riêng một mình thì cũng là giặc.

Vì thế, tất cả những vật thuộc về chúng Tăng bốn phương thì không nên dùng riêng một mình.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Nếu có vật mà các thầy Tỳ-kheo nhưn đó phát sinh tranh chấp thì phải làm sao với vật ấy?

Đức Phật nói:

- Nếu các Tỳ-kheo cùng nhau sám hối thì được phép phân chia vật ấy. Nếu không hòa hợp thì không được phép phân chia. Phép phân chia là: cần phải bạch nhị yết-ma. Việc này đã được nói rõ trong điều độ Câu-diêm-di

Năm pháp Đề-bà-đạt-đa dùng để phá

Tăng là: 1- Đi khát thực trọn đời.

2- Đắp y phẩn tảo.

3- Không được ăn bơ và muối.

4- Không được ăn cá thịt.

5- Ngồi ở nơi trống trải (Bên gốc cây).

Vị ấy đưa ra năm pháp này rồi đi phát thẻ cho chúng Tăng và bảo: Ai chấp nhận theo năm pháp ấy thì hãy rút thẻ. Lúc ấy, trong chúng có năm trăm Tỳ-kheo nhận thẻ, A-Nan liền đến giữa chúng, cởi y Tăng-già-lê ném xuống đất và la to:

- Đó là phi pháp!

Có năm mươi Thượng tọa cũng cởi y Tăng-già-lê quăng xuống đất. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch với Thế Tôn, Đức Phật nói:

- Đó chính là nhân tội địa ngục, sẽ bị đọa địa ngục A-tỳ trong một kiếp, không thể cứu vớt.

Việc này đã được nói rõ trong điều độ Phá

Tăng.

Năm pháp mà Đề-bà-đạt-đa nêu ra ở trên tuy không trái với lời Phật nhưng ông ta muốn dựa vào các pháp này để phá hoại Phật pháp.

Lúc ấy, Thế Tôn ở thành Vương-xá, các Tỳ-kheo ở nghĩa địa, dưới gốc cây, bên bờ sông hoặc đầm nước, trải cỏ nằm ngủ ngoài trời.

Vào sáng sớm có vị đại trưởng giả đi ra ngoài và gặp các Tỳ-kheo, liền đánh lễ hỏi:

- Tối hôm qua các vị ngủ ở đâu?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Chúng tôi trải cỏ ở nghĩa địa, dưới gốc cây để ngủ.

Trưởng giả hỏi:

- Nếu có đàn-việt làm nhà cửa cho các ngài có được không? Các Tỳ-kheo đáp:

- Phật chưa cho phép làm.

Các Tỳ-kheo liền đem việc này bạch Phật, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có đàn-việt có lòng tin, có thể xây dựng nhà cửa cho chúng Tăng thì được phép làm.

Sau khi nghe Đức Phật nói, trưởng giả liền cất sáu mươi phòng, sắm thức ăn uống, thỉnh Phật và Tăng đến để cúng dường. Sau khi đã dùng bình bằng vàng để rót nước dâng cho Phật và Tăng, trưởng giả quỳ xuống, chấp tay bạch Phật:

- Con vừa cất xong sáu mươi căn phòng cho Phật và Tăng. Cúi xin Phật và chúng Tăng thọ nhận cho con.

Nhân việc cúng dường phòng ốc của trưởng giả, Phật liền nói lợi ích của việc cúng dường phòng ốc:

- 1- Có thể ngăn gió mưa.
- 2- Có thể ngăn nóng lạnh.
- 3- Có thể ngăn thú dữ, trùng độc.

Tất cả những lợi ích như vậy Phật đều nói hết. Nhờ phòng ốc này các Tỳ-kheo sống được an lạc, tịch tịnh. Việc này đã được nói rõ trong kinh độ Phu cụ.

Tại nước A-tra-tỳ, Phật cho phép các Tỳ-kheo tự cất thất riêng. Các Tỳ-kheo đều cất nhà lớn riêng cho mình nên phải xin rất nhiều tiền của. Vì thế, trông thấy Sa-môn vào làng, các đàn-việt đều né tránh, không muốn gặp. Có Tỳ-kheo tên A-tra-tỳ tự chặt cây rừng để làm thất riêng. Trong rừng có vị thần, khi Tỳ-kheo kia lấy cây làm nhà, vị thần ấy suy nghĩ: “Nếu đánh Tỳ-kheo này thì sợ mắc tội nhưng nếu im lặng thì không có chỗ ở”. Suy nghĩ xong, vị thần ấy liền đến bạch Phật:

Phật bảo:

- Nếu đánh người trì giới thì mắc tội rất nặng. Người hãy lợi qua sông sẽ thấy có cây đại thọ, thân cây ấy đã chết vào ngày hôm qua, người hãy sống dựa vào cây ấy.

Vì lý do đó Phật chế giới không cho cắt thớt lớn riêng cho mình.

Khi ấy, Thế Tôn ở tại nước Câu-diêm-di, có Tỳ-kheo tên Xiển-đà chơi rất thân với vua Ưu-điền của nước ấy. Vị ấy đến nói với vua: “Tôi muốn cắt thớt riêng nhưng thiếu gỗ ván”. Vua liền nói: “Xin thầy tùy ý lấy dùng các cây gỗ ở trong nước”. Ở giữa đường cái lớn có một cây đại thọ, cành lá che kín năm trăm cỗ xe, người trong nước đều cho rằng cây ấy có mạng sống. Tỳ-kheo Xiển-đà chặt cây ấy làm mọi người đều hiềm hận ông ta. Các Tỳ-kheo liền đến bạch Thế Tôn. Phật nhân đó liền chế giới:

- Từ nay trở đi, nếu cây có thân, loại cây ở giữa đường được mọi người quý trọng thì không được phép chặt. Nếu ai chặt thì phạm tội Ba-dật-đề, hoặc là Thâu-lan-giá. Từ đây về sau, các Tỳ-kheo không được cắt thớt lớn quá lượng cho phép.

Lúc đó, Đạp-bà-ma-la-tử xuất gia, siêng năng tu tập và đắc quả A-la-hán, suy nghĩ: “Với thân này, ta nên tu nghiệp gì?”. Sau khi suy nghĩ xong, vị ấy liền nhận phân chia thức ăn và ngọ cụ, tọa cụ cho chúng Tăng. Một ngày nọ, khi trời đã tối mịt có một Tỳ-kheo tìm đến chùa nhưng không biết chùa nằm chỗ nào. Đạp-bà-ma-la-tử liền nhập vào tam muội Hỏa quang, đưa tay chiếu sáng cho vị kia biết vị trí của chùa. Khi Tỳ-kheo đó đã đến, vị ấy liền chỉ phòng ở, phu cụ, nơi đại tiểu tiện, nơi để nước rửa tay, dầu thoa chân và tất cả những nơi cần biết. Nếu có khách Tăng đến chùa, vị ấy liền cung cấp đầy đủ tất cả các thứ mà khách cần dùng, không chút tiếc rẻ. Phật khen ngợi vị ấy là người phân chia tất cả đồ ăn uống, phu cụ một cách bình đẳng, không thiên vị. Do đó mà biết rõ là Đạp-bà-ma-la-tử đã bị vu báng không có căn cứ.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa bàn luận với A-xà-thế:

- Ông hãy giết vua cha, còn tôi thì giết Phật. Vua mới và Phật mới cùng nhau cai trị thiên hạ thì thế gian đều thái bình, nhân dân an lạc, không phải là vui sao?

A-xà-thế hỏi Đề-bà-đạt-đa:

- Cần bao nhiêu binh lính mới có thể hại Phật được?

Đề-bà-đạt-đa đáp:

- Cần sáu mươi binh lính thì có thể giết Phật.

A-xà-thế liền giao cho Đề-bà-đạt-đa sáu mươi binh lính, khi đã nhận được binh lính, Đề-bà-đạt-đa liền sai hai người đến giết Phật và dặn: “Giết Phật xong, hãy theo đường khác trở về, chớ có đi theo đường cũ”. Đề bà lại sai bốn người giết hai người trước rồi theo đường khác trở

về. Lần lượt như vậy, Đề bà định cho họ giết nhau hết sạch. Sở dĩ vị ấy làm vậy là để tiếng ác này không lan truyền ra ngoài.

Hai người đầu tiên đến gặp Phật, tự nhiên không phát sanh tâm ác, liền nói với Phật ý định của mình, Phật liền nói pháp giúp họ đắc quả Tu-đà-hoàn. Đức Phật bảo với họ

- Các ông hãy trở về đi, chớ có đi theo con đường khác để đến chỗ của Đề-bà-đạt-đa.

Nghe báo tin không giết được Phật, Đề-bà-đạt-đa tức giận, tự đến chỗ Phật, đem tảng đá lớn ném vào thân Phật, chur thiên liền đỡ tảng đá ấy ném sang núi khác. Có một mảnh đá nhỏ bị vỡ, văng đến làm chân Phật bị thương. Các Tỳ-kheo liền vác gậy đến canh giữ xung quanh phòng của Thế Tôn. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Giả sử có người mang núi Tu-di định đè Ta thì cũng không thể làm hại Ta, huống gì là Đề-bà-đạt-đa. Các vị hãy trở về chỗ, an lạc thực hành theo pháp môn tu tập của mình.

Khi Phật chưa chế giới, Tỳ-kheo không được ngủ chung phòng với Sa-di. La-hầu-la không có phòng riêng, bị các Tỳ-kheo đuổi ra, La-hầu-la liền ngủ trong nhà xí. Trong nhà xí có con rắn độc lớn, Phật biết trong đó có rắn độc, sợ nó làm hại La-hầu-la bị thương nên liền đến nhà xí. Tuy biết nhưng Ngài vẫn hỏi:

- Ông là ai vậy?

La-hầu-la đáp:

- Con là Sa-di La-hầu-la.

Đức Phật hỏi:

- Vì sao ông ở trong đó?

Đáp: - Không còn phòng nào khác. Các Tỳ-kheo không cho con ngủ chung.

Phật liền dẫn vào phòng Ngài.

Ngày hôm sau, Phật tập hợp các Tỳ-kheo và

bảo:

- Thường pháp của người xuất gia là phải có tâm Từ. Từ nay trở đi, Sa-di được phép ngủ chung với Tỳ-kheo hai đêm. Đến đêm thứ ba nếu không có chỗ khác, Tỳ-kheo không được nằm ngủ, phải ngồi kiết-già cho đến khi mặt trời mọc. Đến đêm thứ tư, nếu vẫn không có chỗ để đi thì khi mặt trời sắp mọc hãy đuổi Sa-di ra khỏi phòng. Nếu Sa-di sợ, không thể ra khỏi phòng, thầy Tỳ-kheo nên tự đi ra.

Khi có khách Tăng đến chùa, Tỳ-kheo cưu trú dọn phòng, ngọa cụ để cung cấp cho vị ấy. Sau đó, khi ra đi, vị ấy không báo với Tỳ-kheo cưu trú. Trải qua nhiều ngày, chủ nhân vào phòng mới biết Tỳ-kheo

khách đã đi. Ngọa cụ bị mối, chuột cắn rách nát. Tỳ-kheo liền đem việc này bạch Thế Tôn, nhân đó, Phật chế giới:

- Tỳ-kheo khách nào ngủ nhờ ở trong chùa thì lúc đi phải xếp phụ cụ, dọn dẹp giường ghế và phải thưa với Tỳ-kheo cự trú rồi mới đi. Nếu không làm như vậy thì khi ra khỏi cương giới sẽ phạm tội Ba-dật-đề.

Một hôm nọ, nhóm sáu Tỳ-kheo và nhóm mười bảy Tỳ-kheo đều ngủ nhờ ở một chỗ. Nhóm sáu Tỳ-kheo là Thượng tọa, nhóm mười bảy Tỳ-kheo là Hạ tọa. Nhóm mười bảy Tỳ-kheo nói với nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Xin các Đại đức hãy chọn phòng trước.

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói:

- Có ai chê tốt xấu đâu?

Nhóm mười bảy Tỳ-kheo chọn phòng và trải tọa cụ xong, nhóm sáu Tỳ-kheo liền đến chiếm phòng ấy và đuổi nhóm kia ra ngoài. Nhóm mười bảy Tỳ-kheo giận dữ lớn tiếng. Nghe vậy, chủ nhà liền hỏi:

- Có việc gì mà người các vị la to vậy?

Nhóm mười bảy người đem việc trên kể lại với chủ nhà. Các Tỳ-kheo đến bạch Thế Tôn. Nhân đó, Phật liền chế giới:

- Từ nay trở đi, bậc Hạ tọa nhường phòng tốt cho Thượng tọa. Nếu Thượng tọa không nhận thì sau khi Hạ tọa trải phụ cụ xong, Thượng tọa không được dùng sức mạnh để chiếm đoạt và đuổi Hạ tọa đi. Nếu Hạ tọa đến trước, không biết có Thượng tọa đến thì khi Thượng tọa đã đến, Hạ tọa phải tránh đi. Trên dưới đều không được ỷ sức mà xua đuổi nhau. Nếu người nào ỷ sức, xua đuổi nhau thì phạm tội Ba-dật-đề.

Lúc nọ, nhóm sáu Tỳ-kheo ở trên gác, không chịu xem xét kỹ càng xem sàn gác dày hay mỏng mà buông mình ngồi xuống, chân giường bị gãy, đâm xuyên qua sàn gác, rơi xuống làm đầu của Tỳ-kheo đang ở bên dưới bị thương. Nhân đó, Phật chế giới:

- Từ nay về sau, người ở trên gác phải xem kỹ sàn gác dày hay mỏng, không được liền ngồi thẳng xuống. Nếu ai ngồi như vậy thì phạm Ba-dật-đề.

Một lúc nọ, Tỳ-kheo Xiển-đà lấy nước có trùng trộn với bùn để cất thất. Thấy vậy, các đàn-việt bất mãn, nói: “Vì sao Tỳ-kheo không có lòng từ bi?”. Nhân đó, Phật chế giới:

- Từ nay trở đi, Tỳ-kheo không được dùng nước có trùng trộn với bùn để cất thất. Nếu ai dùng thì phạm tội Ba-dật-đề.

(Xong phần phòng ốc).

Lúc ấy, Phật ở tại nước Ba-la-nại. Năm Tỳ-kheo A-nhã Kiều-trần-như đến chỗ Phật, bạch Thế Tôn:

- Các Tỳ-kheo được phép ở những nơi nào và trải những loại phụ cụ gì?

Đức Phật bảo Kiều-trần-như:

- Cho phép các Tỳ-kheo được nghỉ ngơi ở A-lan-nhã, nơi gốc cây, ở nghĩa địa, ở cạnh bờ sông, khe núi, nơi vắng vẻ, trải cỏ, lá cây để làm tọa cụ. Việc này trong kiền độ Phụ cụ đã nói rõ.

Về trụ xứ, nói tóm tắt gồm có hai loại: một là làng xóm, hai là nơi vắng vẻ, yên tĩnh.

Lúc ấy có Tỳ-kheo khách an cư ở chùa khác, không chịu đi xem phòng ốc, ngọa cụ; nhận được phòng xấu và ngọa cụ xấu nên trong lòng không vui, tu đạo bị trở ngại. Vì tức giận Tỳ-kheo cự trú, vị ấy phỉ báng:

- Tỳ-kheo ấy có thương, có ghét, có si mê, có lo sợ.

Nghe việc ấy, Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay trở đi, khi an cư mùa Hạ, các Tỳ-kheo phải đích thân đi xem phòng ốc, ngọa cụ, sau đó mới nhận. Nếu phòng được phân chia theo thứ tự từ Thượng tọa trở xuống thì không cần xem trước cũng không có lỗi. Nếu người phân chia phòng bảo: “Thầy hãy đi xem phòng” mà lời biếng không đi xem thì phạm tội Đột-kiết-la.

Lý do Như-lai bảo các Tỳ-kheo giữ gìn phụ cụ là để ngăn năm việc sau:

- 1- Không muốn cho gió thổi.
- 2- Không muốn cho bị phơi nắng.
- 3- Không muốn cho mắc mưa.
- 4- Không muốn cho bụi đất bám vào.
- 5- Không muốn cho chim, trùng phóng uế lên phụ cụ.

Pháp an cư mùa Hạ của Tỳ-kheo là: Người được Tăng sai phân chia phòng và phụ cụ phải đi đến từng phòng để xem xét xem những phòng nào có nhiều phụ cụ và những phòng nào không có phụ cụ. Nơi nào nhiều phụ cụ thì lấy bớt đem qua nơi không có phụ cụ. Nếu khắp nơi đều có thừa phụ cụ thì lần lượt giao cho từ Thượng tọa trở xuống. Đó gọi là cách phân chia phụ cụ.

Quản lý có hai loại: Một là làm, hai là che.

- Làm là: Có đàn việt muốn cất thất cho chúng Tăng, Tăng nên sai người quản lý bạch nhị yết-ma để sắp xếp công việc. Nếu người quản lý này muốn thọ dụng căn thất đó đến trọn đời, khi đã làm xong thì Tăng

cho phép vị ấy được ở trong mười hai năm. Sau đó chúng Tăng sẽ tùy ý phân xử. Nếu trong hai, ba năm mà người quản lý không thể cất thất xong thì Tăng phải xem lại năng lực của người ấy, nếu nhắm người ấy có thể hoàn tất công việc thì cho làm tiếp đến khi hoàn tất, nếu nhắm người ấy không thể hoàn tất thì hãy sai người khác làm thay. Đó gọi là làm.

- Thế nào là che? - Nếu người làm xây tường vách xong, không thể lợp mái thì sau đó, Tăng phải sai người có khả năng đến lo việc lợp mái. Nếu người lợp mái muốn sống ở đó suốt đời thì Tăng nên cho người ấy sống tại đó sáu năm, sau đó Tăng tùy ý phân xử. Đó gọi là lợp mái.

Pháp Tỳ-kheo cung kính lẫn nhau là: Phải đứng dậy nghinh đón, đánh lễ, nắm tay hỏi thăm, cung cấp tất cả những thứ vị kia cần dùng, chớ có làm phật ý. Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thượng tọa có lỗi đối với Hạ tọa thì phải có mấy pháp để phát lồ sám hối?

Đức Phật nói:

- Phải có bốn pháp: Một là sửa áo bày vai phải, hai là cởi giày da, ba là chấp tay, bốn là nói lỗi đã phạm.

Hạ tọa hướng về Thượng tọa để sám hối tội đã phạm thì phải đủ năm pháp: một là sửa áo bày vai phải, hai là phải cởi giày da, ba là quỳ xuống, bốn là chấp tay, năm là nói ra tội đã phạm.

Nếu Tỳ-kheo khách đến chùa khác, gặp Thượng tọa thì phải đủ năm pháp cung kính: một là sửa áo bày vai phải, hai là cởi giày da, ba là quỳ xuống, bốn là dùng hai tay nắm chân Thượng tọa, năm là cúi đầu lễ bái. Nếu Tỳ-kheo cự trú nhỏ thì cũng phải đủ năm pháp cung kính. Pháp này được nói rõ trong kinh độ Trì giới.

Cách trị bệnh phong là: Phải dùng nước Tô-tỳ-lặc. Cách làm loại nước này là: Đầu tiên sai tịnh nhân già lúc đại mạch bỏ vào trong bình, ngâm với nước trong hai ba ngày. Khi đã sắp lên men thì lọc sạch mà uống. Nếu Hòa thượng bệnh thì đệ tử phải làm nước này để nuôi bệnh. Nếu đệ tử bệnh thì Hòa thượng cũng phải làm như vậy.

Có Tỳ-kheo ni mang nước Tô-tỳ-lặc đi trên đường, giữa đường, gặp một người bị chặt tay chân đang nằm trên đường. Tỳ-kheo ni ấy liền dùng nước Tô-tỳ-lặc rưới lên vết thương người kia làm người ấy chết lập tức. Đức Phật nói:

- Từ nay trở đi không được đem nước Tô-tỳ-lặc rưới lên trên vết thương.

Có Tỳ-kheo mang nước Tô-tỳ-lặc đến rừng bỏ tử thi, thấy một người bệnh nằm trên đất, người kia xin Tỳ-kheo nước Tô-tỳ-lặc để uống. Do lòng từ bi, Tỳ-kheo ấy liền cho anh ta, uống xong người này liền bị chết. Các Tỳ-kheo sanh nghi, không biết Tỳ-kheo có phạm giới không? Đức Phật nói:

- Do tâm thương xót nên không phạm. Đó gọi là nước Tô-tỳ-lặc.

Vì Tỳ-kheo bệnh, Phật cho phép uống sáu loại thuốc bột: Một là bột ly-bạn, hai là bột phá-la-tư, ba là bột bố-la-la, bốn là bột a-phạm- khước-la, năm là bột ba-khước-la, sáu là bột a-bạn-đà. Những loại bột như vậy có rất nhiều loại. Nếu Tỳ-kheo nào bệnh thì hãy uống theo sự chỉ dẫn của thầy thuốc.

Lúc ấy, Ly-xa-tử mang bình bát báu, bên trong đựng đầy bột chiêm-đàn đến dâng Phật. Đức Phật nói:

- Trong Phật pháp của Ta không cho phép nhận bình bát bằng châu báu.

Ly-xa-tử nói:

- Nếu không nhận bình bát báu thì xin Thế Tôn hãy nhận hương bột chiêm đàn.

Phật liền thọ nhận.

Có Tỳ-kheo dùng tháo đậu thô để rửa bát làm bát mất màu. Đức Phật nói:

- Phải giã nhỏ, sau đó dùng sàng rây cho nhuyễn rồi mới dùng.

Có một người nữ đã mất chồng, do tâm dâm dục mạnh, cô ta tư thông với người khác và bị mang thai. Sợ bị lộ, cô ta bảo người đã tư thông với mình xin thuốc phá thai. Người ấy xin được thuốc từ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, liền dùng để phá thai. Nghe vậy Phật liền chế giới:

- Người xuất gia không được phép cho người khác thuốc phá thai. Pháp của Tỳ-kheo là không dùng các loại hương và tháo đậu để tắm rửa, thậm chí bị bệnh cũng không được dùng.

